



Mã số/ Ref. No: 08568/2025/PKQ (25.7878)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH - CO.OPMART TÂN CHÂU**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH - CO.OPMART TÂN CHÂU - Đường Lê Duẩn, xã Tân Châu, tỉnh Tây Ninh**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Nước thải**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.7878.NT.03	Nước thải tại đầu ra HTXLNT	X=1277827 Y=0572061

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 31/10/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 07/11/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 14:2008/BTNMT
				25.7878.NT.03	Cột A, K = 1,2 ⁽¹⁾
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,86	5 ÷ 9
2	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=3)	60
3	BOD ₅ ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	8,3	36
4	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	KPH (MDL=1)	6
5	S ²⁻ (a)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	KPH (MDL=0,03)	1,2
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023	5,06	36
7	Phosphate (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	3,59	7,2
8	Coliform ^(a)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	3.000

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
3. (1): Cột A, K=1,2; Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHẢ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 08567/2025/PKQ (25.7878)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name:

CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI
TP. HỒ CHÍ MINH - CO.OPMART TÂN CHÂU

2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location:

CHI NHÁNH LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI
TP. HỒ CHÍ MINH - CO.OPMART TÂN CHÂU - Đường Lê
Duẩn, xã Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

3. Loại mẫu/ Type of sample:

Không khí xung quanh

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.7878.K.01	Không khí tại máy phát điện dự phòng	X=1277776, Y=0572053

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 31/10/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 07/11/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN không khí xung quanh
				25.7878.K.01	Trung bình 1 giờ ⁽¹⁾
1	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	59,3	70 ⁽²⁾

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- (1): Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ.
- (2): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường (từ 6 giờ - 21 giờ).

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY